



Số: 642/QĐ-AOSC

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận năng lực phòng thử nghiệm

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-1245 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 08 tháng 4 năm 2022;

Căn cứ Quy định công nhận của Văn phòng Công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng - AOSC;

Xét đề nghị của Phòng Công nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận: **KHOA XÉT NGHIỆM - CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH - THĂM DÒ CHỨC NĂNG, TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG** có năng lực thử nghiệm đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 đối với các phép thử nghiệm trong phụ lục kèm theo.

Điều 2. Phòng thử nghiệm được cấp mã số: **VLAT-1.1208**.

Điều 3. Phòng thử nghiệm được công nhận tại Điều 1 được phép sử dụng dấu hiệu công nhận và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận năng lực thử nghiệm theo quy định hiện hành của AOSC trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 23/12/2025 đến ngày 24/10/2029, và phòng thử nghiệm phải chịu sự giám sát định kỳ không quá 12 tháng một lần.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu AD.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTING

(Ban hành kèm theo quyết định số: 642/QĐ-AOSC ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng)
Issue together with Decision no.: 642/QĐ-AOSC date 23 Dec 2025 of Accreditation Office for Standards Conformity Assessment Capacity)

1. Tên phòng thử nghiệm/ *Testing Lab name*: Khoa xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng/ *Laboratory department - Diagnostic imaging - Functional exploration*
2. Cơ quan chủ quản/ *Organization*: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng/ *Lam Dong Center for Disease Control*
3. Lĩnh vực thử nghiệm/ *Field*: Thử nghiệm Hóa/ *Chemical Testing*, Thử nghiệm Sinh/ *Biological Testing*
4. Người đại diện PTN/ *Representative*: Nguyễn Tấn Vũ - Trưởng Khoa
5. Mã số phòng thử nghiệm/ *Accredited Testing Lab code*: VLAT-1.1208
6. Thông tin phòng thử nghiệm/ *Lab information*
Khoa xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng/ *Laboratory department - Diagnostic imaging - Functional exploration*
Địa chỉ/ *Address*: 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam ly - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng/ *No. 54, Pham Ngoc Thach Street, Cam ly - Da Lat Ward, Lam Dong Province*
Điện thoại/ *Telephone number*: 02633.816.869

7. Các phép thử được công nhận/ Accredited Tests:

7.1 Lĩnh vực/ Field: Thử nghiệm Hóa/ Chemical Testing

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
1	Xác định hàm lượng ẩm bằng phương pháp trọng lượng <i>Determination of moisture content by weight method</i>	Thực phẩm/ Food	LOQ=0,06 %	FAO 1986, 14/7, trang 205
2	Xác định hàm lượng tro tổng số bằng phương pháp trọng lượng <i>Determination of total ash content by weight method</i>	Thực phẩm/ Food	LOQ=0,06 %	FAO 1986, 14/7, trang 228
3	Xác định hàm lượng Natribenzoate, Kalisorbate, Acid benzoic, Acid sorbic. Phương pháp HPLC - UV <i>Determination of Natribenzoate, Kalisorbate, Acid benzoic, Acid sorbic content. HPLC - UV method</i>	Thịt và sản phẩm thịt / Meat and meat products	LOQ=20 mg/kg	TCVN 8471:2010
4	Xác định hàm lượng Kali iodat bằng phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Potassium Iodate by titrimetric method</i>	Muối ăn/ Salt	LOQ=7,05 mg/kg	TCVN 6341:1998
5	Xác định hàm lượng Clorua bằng phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Chloride content by titrimetric method</i>	Nước sạch/ Domestic water	LOQ=5 mg/L	SMEWW 4500 Cl-B:2023
6	Xác định độ cứng của nước bằng phương pháp chuẩn độ EDTA bằng phương pháp chuẩn độ <i>Determination of hardness of water by EDTA titrimetric method</i>	Nước sạch/ Domestic water	LOQ=3,33 mg/L	SMEWW 2340-C: 2023
7	Xác định hàm lượng Canxi trong nước bằng phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of Calcium content of water by EDTA titrimetric method</i>	Nước sạch/ Domestic water	LOQ=3,33 mg/L	SMEWW 3500-Ca B: 2023
8	Xác định hàm lượng Sắt tổng bằng phương pháp so màu (UV-VIS) <i>Determination of total iron content by Colorimetric method (UV-VIS)</i>	Nước sạch/ Domestic water	LOQ=0,1 mg/L	SMEWW 3500-Fe-B:2023

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
9	Xác định hàm lượng Nitrit bằng phương pháp so màu (UV-VIS) <i>Determination of Nitrite content by Colorimetric method (UV-VIS)</i>	Nước sạch, nước uống đóng chai/ <i>Domestic water, bottled water</i>	LOQ=0,03 mg/L	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ :2023
10	Xác định hàm lượng tro tổng bằng phương pháp trọng lượng <i>Determination of total ash content in tea by weight method</i>	Trà/ <i>Tea</i>	≥ 1%	TCVN 5611: 2007
11	Xác định hàm lượng ẩm bằng phương pháp trọng lượng <i>Determination of moisture by weight method</i>	Trà/ <i>Tea</i>	≥ 1%	TCVN 5613:2007
12	Xác định hàm lượng chất hòa tan bằng phương pháp trọng lượng <i>Determination of soluble solids content by weight method</i>	Cà phê bột/ <i>Coffee powder</i>	≥ 1%	TCVN 5252:1990
13	Xác định độ ẩm bằng phương pháp trọng lượng <i>Determination of moisture by weight method</i>	Cà phê bột/ <i>Coffee powder</i>	≥ 1%	TCVN 7035:2002
14	Xác định hàm lượng tro tổng bằng phương pháp trọng lượng <i>Determination of total ash content by weight method</i>	Cà phê bột/ <i>Coffee powder</i>	≥ 1%	TCVN 5253:1990
15	Xác định hàm lượng Cafein bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao bằng đầu dò UV (HPLC-UV) <i>Determination of the caffeine content using high performance liquid chromatography method by detector UV (HPLC-UV)</i>	Cà phê bột/ <i>Coffee powder</i>	LOQ=0,6 %	TCVN 9723:2013
16	Xác định hàm lượng tro không tan trong acid bằng phương pháp trọng lượng <i>Determination of acid insoluble ash content by weight method</i>	Cà phê bột / <i>Coffee powder</i>	LOQ=0.06%	TCVN 5253:1990

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
17	Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	Nước sạch, nước uống đóng chai/ <i>Domestic water, bottled water</i>	2-14	TCVN 6492: 2011

7.2 Lĩnh vực/ Field: Thử nghiệm Sinh học/ Biological Testing

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
1	Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm-Phương pháp định lượng vi sinh vật- Phần 1: Đếm khuẩn lạc ở 30 độ C Bằng kỹ thuật đổ đĩa. <i>Microbiology of food chain- Horizontal method for the enumeration of microorganisms - Colony count at 30 degrees C by the pour plate technique</i>	Thực phẩm/ <i>Food</i>	LOQ=1 cfu/ml; 10 cfu/g	TCVN 4884-1:2015
2	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng Coliform- Kỹ thuật đếm Khuẩn lạc. <i>Microbiology of food chain- Horizontal method for the enumeration of coliforms - Colony-count technique</i>	Thực phẩm/ <i>Food</i>	LOQ=1 cfu/ml, 10 cfu/g	TCVN 6848:2007
3	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza - Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl β -D-glucuronid <i>Microbiology of food and animal feeding stuffs - Horizontal method for the enumeration of β-glucuronidase-positive Escherichia coli - Colony-count technique at 44°C using 5-bromo-4-chloro-3-indolyl β-D-glucuronide</i>	Thực phẩm/ <i>Food</i>	LOQ=1 cfu/ ml, 10 cfu/g	TCVN 7924-2:2008

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
4	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định trên đĩa thạch kỹ thuật đếm khuẩn lạc 30 ⁰ C. <i>Microbiology of food and animal feeding stuffs -Horizontal method for the enumeration of presumptive Bacillus cereus - Colony-count technique at 30⁰C</i>	Thực phẩm/ Food	LOQ=1 cfu/ml; 10 cfu/g	TCVN 4992:2005
5	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i>) trên đĩa thạch - Phần 1: Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker <i>Microbiology of food and animal feeding stuffs - Horizontal method for the enumeration of coagulase-positive Staphylococci - Technique using Baird-Parker agar medium</i>	Thực phẩm/ Food	LOQ=1 cfu/ml; 10 cfu/g	TCVN 4830-1:2005
6	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng Nấm men, Nấm mốc - Phần 1: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc có hoạt độ nước lớn hơn 0.95%. <i>Microbiology of food and animal feeding stuffs - Horizontal method for the enumeration of yeasts and moulds - Part 1: Colony count technique in products with water activity greater than 0,95.</i>	Thực phẩm/ Food	LOQ=1 cfu/ ml, 10 cfu/g	TCVN 8275-1:2010

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
7	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng Nấm men, Nấm mốc - Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc có hoạt độ nước nhỏ hơn 0.95%. <i>Microbiology of food and animal feeding stuffs - Enumeration of yeasts and moulds, Part 2: Colony count technique in products with water activity less than or equal to 0,95</i>	Thực phẩm/ Food	LOQ=1 cfu/ ml, 10 cfu/g	TCVN 8275-2:2010
8	Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp phát hiện, định lượng và xác định typ huyết thanh của Samonella - Phần 1: Phương pháp phát hiện Samonella spp. TCVN 10780-1:2017. <i>Microbiology of the food chain - Horizontal method for the detection, enumeration and serotyping of Salmonella - Part 1: Detection of Salmonella spp.</i>	Thực phẩm/ Food	LOD=e LOD 3,3 cfu/25g; 3,3 cfu/ 25 ml.	TCVN 10780-1:2017
9	Chất lượng nước - Phát hiện và đếm <i>Escherichia coli</i> và vi khuẩn coliform - Phần 1: Phương pháp lọc màng áp dụng cho nước có số lượng vi khuẩn thấp <i>Water quality - Enumeration of Escherichia coli and coliform bacteria - Part 1: Membrane filtration method for waters with low bacterial background flora</i>	Nước uống đóng chai, nước ăn uống, nước sinh hoạt/ Bottler water, drinking water, water	LOQ=1 cfu/ 100 ml.	TCVN 6187-1:2019
10	Chất lượng nước - Phát hiện và đếm số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit (<i>Clostridia</i>) - Phần 2: Phương pháp màng lọc <i>Water quality - Detection and enumeration of the spores of sulfite - reducing anaerobes (clostridia) - Part 2: Method by membrane filtration</i>	Nước uống đóng chai, nước ăn uống/ Bottler water, drinking water	LOQ=1 cfu/ 50 ml	TCVN 6191-2:1996

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
11	Chất lượng nước- Phát hiện và đếm khuẩn đường ruột - Phần 2: Phương pháp lọc màng <i>Water quality - Detection and enumeration of intestinal enterococci - Membrane filtration method</i>	Nước uống đóng chai, nước ăn uống/ <i>Bottler water, drinking water</i>	LOQ=1 cfu/100 mL	TCVN 6189-2:2009
12	Chất lượng nước- Phát hiện và đếm <i>Pseudomonas Aeruginosa</i> - Phương pháp màng lọc <i>Water quality - Detection and enumeration of Pseudomonas aeruginosa - Method by membrane filtration</i>	Nước uống đóng chai, nước ăn uống/ <i>Bottler water, drinking water</i>	LOQ=1 cfu/100mL	TCVN 8881:2011
13	Phát hiện và đếm <i>Staphylococcus aureus</i> - Phương pháp màng lọc <i>Detection and enumeration of Staphylococcus aureus - Method by membrane filtration</i>	Nước sinh hoạt/ <i>Water</i>	LOQ=1 cfu/ 100 ml	SMEWW 9213B:2023

THUẬT

**VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS
ACCREDITATION OFFICE FOR STANDARDS CONFORMITY ASSESSMENT CAPACITY**



ACCREDITATION CERTIFICATE

**LABORATORY
MEATDELI HN COMPANY LIMITED**

**Address: Lot CN-02, Dong Van IV Industrial Park, Le Ho District, Ninh Binh Province
has been assessed and found conforming with the requirements of standard**

ISO/IEC 17025:2017

Fields of Accreditation: Chemical Testing, Biological Testing

Accreditation Code: VLAT-1.1428

No.: AOSC-1.1428.1
Issue date: 24/12/2025
Expiration date: 24/01/2029



DIRECTOR

Assoc. Prof. NGUYEN THI KHANH TRAM

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG



CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

PHÒNG THÍ NGHIỆM MHN
CÔNG TY TNHH MEATDELI HN

Địa chỉ: Lô CN-02, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Phường Lê Hồ, Tỉnh Ninh Bình
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận: Thử nghiệm Hóa, Thử nghiệm Sinh
Mã số: VLAT-1.1428

Số: AOSC-1.1428.1
Ngày cấp: 24/12/2025
Giá trị đến: 24/01/2029



PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM